

CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI 1: LIÊN HỢP QUỐC

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1. Tổ chức quốc tế được xem như tiền thân của Liên hợp quốc là

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| A. Hội Quốc liên. | B. Liên minh châu Âu. |
| C. khối Đồng minh. | D. khối Hiệp ước. |

Câu 2. Nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới sau chiến tranh, Hội nghị I-an-ta (2-1945) có quyết định quan trọng nào sau đây?

- A. Thành lập Ban Thư kí Liên hợp quốc.
 B. Thành lập tổ chức Hội Quốc liên.
 C. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
 D. Duy trì và mở rộng Hội Quốc liên.

Câu 3. Từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 6-1945, 50 nước họp tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) thông qua nội dung nào sau đây?

- | | |
|-------------------------------------|--|
| A. Tiêu diệt tận gốc phát xít Nhật. | B. Xét xử tội phạm chiến tranh thế giới. |
| C. Kết thúc chiến tranh Triều Tiên. | D. Hiến chương Liên hợp quốc. |

Câu 4. Ngày 24-10-1945, sau khi Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn, bản Hiến chương của Liên hợp quốc

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| A. được bổ sung, hoàn chỉnh. | B. chính thức được công bố. |
| C. chính thức có hiệu lực. | D. được chính thức thông qua. |

Câu 5. Một trong những quốc gia có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành Liên hợp quốc là

- | | | | |
|-------------|--------------|---------|--------------|
| A. Liên Xô. | B. Thái Lan. | C. Lào. | D. Nhật Bản. |
|-------------|--------------|---------|--------------|

Câu 6. Một trong những quốc gia có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành Liên hợp quốc là

- | | | | |
|--------|--------------|---------|--------------|
| A. Mỹ. | B. Thái Lan. | C. Lào. | D. Nhật Bản. |
|--------|--------------|---------|--------------|

Câu 7. Một trong những quốc gia có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành Liên hợp quốc là

- | | | | |
|---------|--------------|---------|--------------|
| A. Anh. | B. Thái Lan. | C. Lào. | D. Nhật Bản. |
|---------|--------------|---------|--------------|

Câu 8. Quá trình hình thành Liên hợp quốc gắn liền với vai trò quan trọng của các quốc gia nào?

- | | |
|------------------------------|----------------------|
| A. Liên Xô, Trung Quốc, Đức. | B. Liên Xô, Mỹ, Anh. |
| C. Liên Xô, Mỹ, Đức. | D. Mỹ, Anh, Pháp. |

Câu 9. Ngày 1/1/1942, tại Oa – sinh – ton (Mỹ), đại diện của 26 nước đã ký văn kiện nào sau đây?

- | | |
|----------------------------|-----------------------|
| A. Tuyên bố Liên hợp quốc. | B. Hiệp ước Maxtrich. |
| C. Hiệp ước Rôma. | D. Hiệp định Muynich. |

Câu 10. Năm 1945, bản Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua tại

- | | |
|--------------------------------|---------------------------------|
| A. hội nghị Tam cường I-an-ta. | B. hội nghị Xan Phran-xi-xcô. |
| C. hội nghị Bàn Môn Điếm. | D. hội nghị Vécxai - Oasinhton. |

Câu 11. Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-iran), nguyên thủ 3 nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định

- A. quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.
- B. nhanh chóng đánh bại phát xít Đức.
- C. nguyên tắc phân chia nước Đức
- D. thành lập quân đội giữ gìn hòa bình.

Câu 12. Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập trong bối cảnh nhân dân thế giới ý thức sâu sắc về hậu quả tàn khốc của

- A. chiến tranh lạnh.
- B. khủng hoảng kinh tế.
- C. phân hóa giàu nghèo.
- D. chiến tranh thế giới.

Câu 13. Tại hội nghị I – an – ta (2 – 1945), nguyên thủ của những quốc gia nào sau đây đã ra quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc?

- A. Anh, Pháp, Mĩ.
- B. Anh, Pháp, Liên Xô.
- C. Anh, Pháp, Đức.
- D. Anh, Mĩ, Liên Xô.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một trong những quyết định quan trọng của Hội nghị I–an–ta (2/1945)?

- A. Phân chia nước Đức thành bốn khu vực chiếm đóng của Đồng minh.
- B. Phân công quân đội Đồng minh giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.
- C. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Phi, châu Úc giữa các nước Đồng minh.

Câu 15. Các nước Đồng minh đã thành lập tổ chức nào để phù hợp với khát vọng được sống trong hòa bình của nhân dân thế giới?

- A. Hội Quốc Liên.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Liên minh châu Âu.
- D. Ngân hàng thế giới.

Câu 16. Đầu năm 1945, đâu là vấn đề cấp bách đặt ra cho các nước Đồng minh chống phát xít?

- A. Phân chia lại thuộc địa của các nước.
- B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- C. Thiết lập trật tự thế giới mới hai cực.
- D. Phục hồi và phát triển kinh tế thế giới.

Câu 17. Yêu cầu bức thiết nào sau đây được đặt ra cho các nước Đồng minh khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối?

- A. Đẩy mạnh xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa kinh tế.
- B. Thành lập tổ chức Hội Quốc liên để ngăn chặn chiến tranh.
- C. Tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít và tổ chức lại thế giới.
- D. Thủ tiêu tất cả các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 18. Trong giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, một trong những vấn đề cấp bách đặt ra là

- A. giúp đỡ các nước Đông Âu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.
- B. liên minh giữa Liên Xô và Mĩ để thiết lập trật tự thế giới mới sau chiến tranh.
- C. thành lập một ủy ban giúp đỡ các nước phát xít khắc phục hậu quả chiến tranh.
- D. thành lập một tổ chức quốc tế nhằm duy trì hòa bình và trật tự thế giới mới.

Câu 19. Bản Hiến chương Liên hợp quốc đã được thông qua khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai

- A. bước vào giai đoạn quyết liệt.
- B. bước vào giai đoạn kết thúc.
- C. bắt đầu lan ra khu vực châu Á.
- D. bắt đầu lan ra khu vực châu Phi.

Câu 20. Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập năm 1945 nhằm đáp ứng nhu cầu nào sau đây của toàn thể nhân loại?

- A. Bảo vệ hòa bình, an ninh toàn thế giới.
- B. Chống biến đổi khí hậu trên toàn cầu.
- C. Nâng cao đời sống tinh thần con người.
- D. Thúc đẩy khoa học công nghệ phát triển.

2. Câu hỏi đúng sai

Câu 1. Cho bảng dữ kiện sau về quá trình hình thành tổ chức Liên hợp quốc.

Thời gian	Sự kiện
1 – 1 – 1942	Đại diện 26 nước đã kí bản Tuyên bố Liên hợp quốc, cam kết thành lập một tổ chức quốc tế vì hòa bình và an ninh sau chiến tranh.
28 – 11 đến 1 – 12 – 1943	Tại hội nghị Tê – hê – ran (I – ran), ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc thay cho Hội Quốc liên.
2 – 1945	Ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh họp hội nghị tại I – an – ta ra quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.
25 – 4 – 1945 đến ngày 26 – 6 – 1945	Hội nghị quốc tế được tổ chức tại Xan Phran – xi – xcô (Mỹ) đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
24 – 10 – 1945	Với sự phê chuẩn Hiến chương của các nước thành viên, Liên hợp quốc chính thức được thành lập

a) Theo quyết định của hội nghị I – an – ta, từ tháng 4 đến tháng 6 – 1945, một hội nghị quốc tế được tổ chức tại Xan Phran – xi – xcô (Mỹ) đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.

b) Tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối.

c) Quá trình thành lập Liên hợp quốc diễn ra vào nửa đầu những năm 40 của thế kỉ XX, trải qua nhiều hội nghị quốc tế khác nhau.

d) Sự ra đời của Liên hợp quốc chứng tỏ duy trì hòa bình thế giới là vấn đề toàn cầu, cần có sự chung tay của toàn thể nhân loại và một công cụ để bảo vệ nó.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau:

Tại điều 1, Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 có 4 mục tiêu là:

1. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, và để đạt được mục đích đó, thi hành những biện pháp tập thể có hiệu quả để phòng ngừa và loại trừ các mối đe dọa hòa bình, cấm mọi hành vi xâm lược và phá hoại hoà bình khác; điều chỉnh hoặc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc những tình thế có tính chất quốc tế có thể đưa đến sự phá hoại hoà bình, bằng phương pháp hoà bình theo đúng nguyên tắc của công lý và pháp luật quốc tế;

2. Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc và áp dụng những biện pháp phù hợp khác để củng cố hoà bình thế giới;

3. Thực hiện sự hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hoá và nhân đạo và khuyến khích phát triển sự tôn trọng các quyền của con người và các tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hoặc tôn giáo;

4. Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc, nhằm đạt được những mục đích chung nói trên.

a. Mục tiêu duy trì an ninh hòa bình thế giới là mục tiêu được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác.

b. Vai trò của Liên hợp quốc là trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc, điều phối các nỗ lực quốc tế vì mục tiêu chung.

c. Hiến chương Liên hợp quốc quy định tổ chức này có 4 mục tiêu chính, các mục tiêu tồn tại độc lập không có liên hệ.

d. Tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc vừa là mục tiêu vừa là nguyên tắc trong quá trình hoạt động của Liên hợp quốc.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, và để đạt được mục đích đó, thi hành những biện pháp tập thể có hiệu quả để phòng ngừa và loại trừ các mối đe dọa hoà bình, cấm mọi hành vi xâm lược và phá hoại hoà bình khác, điều chỉnh hoặc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc những tình thế có tính chất quốc tế có thể đưa đến sự phá hoại hoà bình, bằng biện pháp hoà bình theo đúng nguyên tắc của công lý và pháp luật quốc tế”.

(Trích: Điều 1, Hiến chương Liên hợp quốc)

A. Đoạn tư liệu thể hiện mục tiêu của Liên hợp quốc là duy trì hòa bình và an ninh quốc phòng cho tất cả các quốc gia.

B. Một trong những mục tiêu của Liên hợp quốc là giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế bằng pháp luật của các quốc gia.

C. Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, duy trì hòa bình và an ninh quốc tế là mục tiêu được đặt lên hàng đầu.

D. Ngày nay, Liên hợp quốc vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột quốc tế bằng biện pháp hoà bình

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

[Năm 1960] "Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa. Đó là một sự kiện chính trị quan trọng. Như thế, Tuyên ngôn đã khẳng định các nước thực dân đã vi phạm nguyên tắc quan trọng nhất của luật pháp quốc tế; khẳng định rõ ràng cơ sở pháp lý quốc tế của cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức (Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn

Hồng Quân, *Liên hợp quốc và Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.46)

a. Liên hợp quốc đã đưa ra văn bản quan trọng nhằm thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

b. Bản Tuyên ngôn của Liên hợp quốc đã có tác động tiêu cực đến phong trào đấu tranh giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

c. Lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc giúp tổ chức này thực thi nhiệm vụ bảo vệ nền hòa bình của các nước thuộc địa.

d. Đây là một trong những văn bản quan trọng thể hiện vai trò và đóng góp của Liên hợp quốc vì sự tiến bộ của nhân loại.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Hiến chương này hoàn toàn không cho phép Liên hợp quốc được can thiệp vào những công việc thực chất thuộc thẩm quyền nội bộ của bất kỳ quốc gia nào, và không đòi hỏi các thành viên của Liên hợp quốc phải đưa những công việc loại này ra để giải quyết theo quy định của Hiến chương;..”

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc)

Tư liệu 2: “Năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa. Đó là một sự kiện chính trị quan trọng.”

(Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Hồng Quân, *Liên hợp quốc và lực lượng giữ gìn hòa bình Liên hợp quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2008, trang 46)

- a. Theo Hiến chương, Liên hợp quốc không được can thiệp vào công việc nội bộ của bất kỳ quốc gia nào.
- b. Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân đã góp phần mở ra thời kỳ “phi thực dân hóa”.
- c. Việc các thuộc địa giành được độc lập hoàn toàn phụ thuộc vào Tuyên ngôn về thủ tiêu chủ nghĩa thực dân.
- d. Nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ được tất cả các thành viên thực hiện nghiêm chỉnh.

Tự luận

Câu 1 Từ sau chiến tranh thế giới thứ II tổ chức quốc tế nào đã trở thành diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh để nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới? Phân tích vai trò của tổ chức đó?

Câu 2. Trình bày nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc? Tại sao Liên hợp quốc xác định 1 trong những nguyên tắc hoạt động là giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình? Từ nguyên tắc này hãy liên hệ trong việc biển đảo Việt Nam hiện nay?

Câu 3. Liên hợp quốc đề ra nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền quốc gia, tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước trên cơ sở nào?

BÀI 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Câu 1. Tham dự Hội nghị Ianta (2-1945) có nguyên thủ của những quốc gia nào dưới đây?

- | | |
|----------------------|-----------------------------|
| A. Anh, Pháp, Mĩ. | B. Anh, Pháp, Đức. |
| C. Liên Xô, Mĩ, Anh. | D. Mĩ, Liên Xô, Trung Quốc. |

Câu 2. Hội nghị Ianta (Liên Xô) diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| A. Từ ngày 4 đến 11-2-1945. | B. Từ ngày 2 đến 12-2-1945. |
| C. Từ ngày 2 đến 12-4-1945. | D. Từ ngày 4 đến 12-4-1945. |

Câu 3. Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh diễn ra từ ngày 4 đến 11-2-1945 được tổ chức tại đâu?

- | | |
|--------------------|---------------------|
| A. Oasinhton (Mĩ). | B. Ianta (Liên Xô). |
| C. Pốttxđam (Đức). | D. Luân Đôn (Anh). |

Câu 4. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), quân đội nước nào sẽ vào chiếm đóng Nhật Bản và Nam Triều Tiên?

- | | | | |
|--------|---------|----------|-------------|
| A. Mĩ. | B. Anh. | C. Pháp. | D. Liên Xô. |
|--------|---------|----------|-------------|

Câu 5. Để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất nội dung nào dưới đây?

- A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
- B. Liên Xô sẽ vào giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc Triều Tiên.
- C. Hồng quân Liên Xô sẽ tấn công vào sào huyệt Béc-lin của Đức.
- D. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.**

Câu 6. “Khuôn khổ hai cực Ianta” được hình thành trên cơ sở nào?

- A. Những quyết định của Hội nghị Ianta và thỏa thuận sau đó của ba cường quốc.**
- B. Những quyết định của các nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- C. Những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.
- D. Những quyết định của Hội nghị Ianta và Hội nghị Pốttxdam.

Câu 7. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Ianta (2-1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.
- B. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.
- C. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.**
- D. Quân Đồng minh đánh bại phát xít Nhật trong chiến tranh thế giới thứ 2.

Câu 8. Hội nghị Ianta (2-1945) không có sự tham gia của quốc gia nào dưới đây?

- A. Mĩ.
- B. Anh.
- C. Trung Quốc.**
- D. Liên Xô.

Câu 9. Theo những quyết định của Hội nghị Ianta về phân chia khu vực chiếm đóng, Mĩ không có quyền lợi ở

- A. Italia.
- B. Nhật Bản.
- C. Trung Quốc
- D. Bắc Triều Tiên**

Câu 10. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945), các nước Đông Nam á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

- A. Các nước phương Tây.**
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Liên Xô.

Câu 11. Theo thỏa thuận tại Hội nghị Ianta thì hai nước trung lập là

- A. Pháp và Phần Lan.
- B. Áo và Phần Lan.**
- C. Áo và Hà Lan.
- D. Phần Lan và Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 12. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Á, Hội nghị Ianta đã

- A. phản công Pháp và Anh phản công tiến đánh Nhật Bản.
- B. quyết định Liên Xô tham chiến chống Nhật trước khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu.
- C. quyết định Liên Xô tham chiến chống Nhật khi chiến tranh đang diễn ra ở châu Âu.
- D. quyết định Liên Xô tham chiến chống Nhật sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu.**

Câu 13. Hội nghị Ianta (2-1945) được triệu tập trong bối cảnh lịch sử nào?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.**

Câu 14. Theo nghị quyết của Hội nghị Pốttxdam, quân đội của những nước nào sẽ làm nhiệm vụ giải giáp chủ nghĩa phát xít ở nước Đức?

- A. Anh, Pháp, Mĩ và Liên Xô.**
- B. Liên Xô, Mĩ, Canada và Pháp.
- C. Anh, Liên Xô, Trung Quốc và Mĩ.
- D. Anh, Pháp, Mĩ, Pháp, Anh và Canada.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945)?

- A. Các nước Đồng minh đàm phán, ký kết các hiệp ước với các nước bại trận.
- B. Các nước phát xít Đức, Italia ký văn kiện đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
- C. Các nước Đồng minh thỏa thuận chia Đức thành hai nước Đông Đức và Tây Đức.
- D. Các nước Đồng minh thỏa thuận khu vực đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng.**

Câu 16. Nội dung nào dưới đây không phải là quyết định của Hội nghị Ianta (2 – 1945)?

- A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- B. Nhanh chóng khắc phục hậu quả của chiến tranh.**
- C. Thống nhất mục tiêu tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

D. Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp phát xít.

Câu 17. Sự kiện nào dưới đây góp phần hình thành khuôn khổ trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Hội nghị Ianta (2 – 1945).

B. Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.

C. Tổ chức Liên hợp quốc được thành lập.

D. Tuyên bố của Tổng thống Mĩ Truman (3 – 1947).

Câu 18. Đối với Trung Hoa Dân quốc, hội nghị Ianta đã không có quyết định nào sau đây?

A. Quy định Trung Quốc cần phải trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ.

B. Cải tổ chính phủ với sự tham gia của Đảng cộng sản và các đảng phái dân chủ.

C. Trả lại cho Trung Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ.

D. Quân Mĩ vào Trung Quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

Câu 19. Để nhanh chóng kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất nội dung nào dưới đây?

A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.

B. Liên Xô sẽ vào giải giáp quân phiệt Nhật ở Bắc Triều Tiên.

C. Hồng quân Liên Xô sẽ tấn công vào sào huyệt Béc-lin của Đức.

D. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

Câu 20. Đặc trưng lớn nhất của trật tự thế giới được hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Thế giới bị chia thành hai cực, hai phe. **B.** Hệ thống chủ nghĩa xã hội được hình thành.

C. Mĩ vương lên trở thành siêu cường duy nhất.

D. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

Câu trắc nghiệm đúng sai – Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Trong mỗi ý a),b),c),d) ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.

“Ngày 27/7/1953, tại phòng đàm phán ở làng Bàn Môn Điếm nằm giữa biên giới Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Đại Hàn Dân quốc, một hiệp định đình chiến được kí kết sau 3 năm chiến tranh. Bán đảo Triều Tiên chính thức bị chia cắt thành hai quốc gia với hai chế độ chính trị xã hội khác nhau.”

SGK Lịch sử 12, Bộ Cánh Diều, tr.9

a. Đoạn trích trên là một trong những biểu hiện của trật tự thế giới hai cực I-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991.

b. Đoạn trích trên là biểu hiện của trật tự thế giới đa cực nhiều trung tâm từ sau chiến tranh lạnh đến nay.

c. Quyết định trên dẫn đến việc Triều Tiên bị chia cắt lâu dài cho đến nay vẫn chưa thống nhất được.

d. Cuộc chiến tranh Triều Tiên phản ánh mối quan hệ căng thẳng giữa Mĩ và Liên Xô trong chiến tranh lạnh.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.

“ Trong chuyến thăm Liên Xô năm 1972, Tổng thống Mỹ R. Ních-xơn và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô L. Brê-giơ-nhép đã kí kết nhiều văn kiện quan trọng như Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo (ABM), Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược (SALT I), một thỏa thuận về không can thiệp công việc nội bộ của nhau, một thỏa thuận song phương về hợp tác trong các lĩnh vực khoa học, không gian, y học và bảo vệ môi trường.”

SGK Lịch sử 12, Bộ Cánh Diều, tr 11.

a. Chiến tranh lạnh vẫn diễn ra nhưng xu thế hòa hoãn Đông – Tây bắt đầu xuất hiện.

b. Việc Liên Xô và Mĩ đạt được những thỏa thuận bước đầu về hạn chế vũ khí chiến lược, tiến hành các cuộc gặp gỡ cấp cao tác động đến trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ.

c. Đoạn tư liệu là biểu hiện sự hình thành và phát triển của trật tự hai cực Ianta với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế quân sự ... giữa Mĩ và Liên Xô.

d. Đoạn tư liệu đánh giá về tác động sự hình thành trật tự Ianta đến quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.

“Những quyết định của Hội nghị cấp cao I-an-ta tháng 2-1945 đã trở thành những khuôn khổ của trật tự thế

giới mới, từng bước được thiết lập trong những năm 1945 -1947 sau khi chiến tranh kết thúc, thường được gọi là "Trật tự hai cực I-an- ta" (hai cực chỉ Mỹ và Liên Xô phân chia nhau phạm vi thế lực trên cơ sở thỏa thuận của Hội nghị I-an-ta)".

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.224)

- a. Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã xác lập cục diện hai cực, hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong quan hệ quốc tế.
- b. Tác động quan trọng nhất của Hội nghị I-an-ta đến quan hệ quốc tế xuất phát từ sự phân chia phạm vi thế lực của Mỹ và Liên Xô.
- c. Hội nghị cấp cao I-an-ta diễn ra sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- d. Những quyết định quan trọng của hội nghị I-an-ta và những thỏa thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, trật tự hai cực I-an-a. Thế giới bị chia thành 2 phe do Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe, đối đầu gay gắt.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.

"... Chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của một kỷ nguyên hoàn toàn mới trong quan hệ Mỹ — Xô. Chúng ta hoàn toàn có thể đóng góp theo cách riêng của mình nhằm vượt qua sự chia rẽ ở châu Âu và kết thúc cuộc đối đầu quân sự tại đó".

(Phát biểu của Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ trong cuộc gặp với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp. tháng 12-1989)

- a. Phát biểu của Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ trong cuộc gặp với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp (12-1989) đánh dấu kết thúc hoàn toàn cuộc đối đầu quân sự tại châu Âu.
- b. Lí do thúc đẩy Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ gặp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp (12-1989) là muốn chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- c. Tổng thống Mỹ G. Bút-sơ gặp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp (12-1989) nhằm mục đích tăng cường hợp tác thương mại giữa hai quốc gia.
- d. "ngưỡng cửa của một kỷ nguyên hoàn toàn mới" trong tư liệu trên đề cập đến kỷ nguyên toàn cầu hoá.

Câu 5: Quan sát hình ảnh sau đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d.



Thủ tướng Anh U. Sớc-sin, Tổng thống Mỹ Ph. Ru-dơ-ven, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô I. Xta-lin (từ trái qua) tại Hội nghị I-an-ta (1945). Nguồn ảnh: SGK Lịch sử 12

- a. Tham dự hội nghị I-an-ta (2-1945) gồm nguyên thủ các nước Anh, Mỹ, Liên Xô.
- b. Sau Hội nghị I-an-ta (2-1945) quan hệ Mỹ – Liên Xô đã thay đổi theo chiều hướng tích cực.
- c. Những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945) đã gây khó khăn cho phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á.
- d. Một trong những thành công của Hội nghị I-an-ta (2-1945) là đưa đến sự ra đời của tổ chức Liên Hợp Quốc.

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao các nước Đồng minh (Liên Xô, Mỹ, Anh) lại tổ chức Hội nghị quốc tế Ianta (tháng 2 – 1945)? Nêu và nhận xét những quyết định quan trọng của Hội nghị này.

Câu 2: Tại sao chạy đua vũ trang là một trong những nguyên nhân quan trọng làm sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

Câu 3: Lập bảng phân chia các khu vực đóng quân của các nước đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai theo quyết định của Hội nghị Ianta (tháng 2 – 1945) và nêu hệ quả của nó.

Câu 4: Tại sao nói: Toàn bộ những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận sau đó của 3 cường quốc (Liên Xô, Mĩ, Anh) đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới hai cực? Phân tích đặc điểm của trật tự hai cực Ianta.

BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1 (NB). Nội dung nào sau đây phản ánh đúng xu thế phát triển của thế giới từ sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Các quốc gia đều tập trung lấy phát triển quân sự làm trọng điểm.
- B. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
- C. Mỹ nắm vai trò là siêu cường duy nhất chi phối quan hệ quốc tế
- D. Các nước điều chỉnh quan hệ theo hướng hòa hoãn, đối thoại, hợp tác

Câu 2 (NB). Trật tự thế giới đa cực được hình thành sau khi

- A. chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Chiến tranh lạnh chấm dứt.
- C. xu thế hòa hoãn Đông – Tây xuất hiện.
- D. Mỹ phát động chiến tranh lạnh.

Câu 3 (NB). Sau Chiến tranh lạnh, một trong những mục tiêu của các quốc gia là

- A. triệt tiêu cạnh tranh trong phát triển kinh tế.
- B. xây dựng nền kinh tế vững mạnh.
- C. xóa bỏ hoàn toàn hệ thống thuộc địa.
- D. khôi phục lại trật tự thế giới hai cực.

Câu 4 (NB). Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, một trong những xu thế phát triển chính của thế giới là

- A. đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế.
- B. hình thành trật tự thế giới mới đơn cực.
- C. ráo riết chuẩn bị chiến tranh toàn cầu.
- D. hạn chế tình trạng cạnh tranh giữa các nước.

Câu 5 (NB). “Một trật tự thế giới mới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không có một quốc gia nào có quyền lực áp đảo các quốc gia khác, chi phối sự phát triển của thế giới” là khái niệm về trật tự thế giới

- A. hai cực Ianta. B. Vecxai-Oasinhton. C. đơn cực. D. đa cực.

Câu 6 (NB). Một trong những xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh là

- A. xu thế đa cực. B. xu thế đơn cực.
- C. xu thế hòa hoãn. D. xu thế hòa giải.

Câu 7 (NB). Một trong những xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh là

- A. sự hình thành trật tự thế giới đa cực.
- B. xu thế đơn cực vươn lên mạnh mẽ.
- C. các trung tâm quyền lực đối đầu gay gắt.
- D. Nga, Mỹ chi phối mọi quan hệ quốc tế.

Câu 8 (NB). Một trong những xu thế phát triển chính của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt là

- A. trật tự thế giới “đơn cực” đang dần được hình thành.
- B. trật tự thế giới “đa cực” đang dần được hình thành.
- C. cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng.
- D. hệ thống đế quốc chủ nghĩa có những chuyển biến quan trọng.

Câu 9 (NB). Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế kinh tế, chính trị... của các nước lớn.
- B. Các nước tăng cường chạy đua về kinh tế và quân sự, hình thành các liên minh lớn.
- C. Sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc, đe dọa đến vị trí số một của Mỹ.
- D. Các nước trong khối NATO liên kết với nhau tạo ra sức mạnh quân sự vượt trội.

Câu 10 (NB). Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Sự vươn lên mạnh mẽ của Trung Quốc, đe dọa đến vị trí số một của Mỹ.
- B. Các nước tăng cường chạy đua về kinh tế và quân sự, hình thành các liên minh lớn.
- C. Mĩ suy giảm sức mạnh tương đối của trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.
- D. Các nước trong khối NATO liên kết với nhau tạo ra sức mạnh quân sự vượt trội.

Câu 11 (TH): Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

- A. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.
- B. cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
- C. quá trình thống nhất thị trường thế giới.
- D. sự phụ thuộc giữa các quốc gia trên thế giới.

Câu 12 (TH). Xu thế "đa cực" được hiểu là

- A. trạng thái địa - văn hoá toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối.
- B. một trật tự mới với vai trò vượt trội của Mỹ, chi phối các nước khác.
- C. một trật tự thế giới mà các nước vừa và nhỏ có vai trò quyết định.
- D. một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau.

Câu 13 (TH). Đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt là

- A. hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.
- B. hai siêu cường Xô - Mỹ đối thoại, hợp tác.
- C. hòa bình, hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.
- D. hai siêu cường Xô - Mỹ đối đầu gay gắt.

Câu 14 (TH). Nội dung nào sau đây phản ánh đúng sự điều chỉnh quan hệ giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Giảm dần sự cạnh tranh về kinh tế.
- B. Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược.
- C. Hòa hoãn, đối thoại, cùng phát triển.
- D. Giảm dần cuộc chạy đua vũ trang.

Câu 15 (TH). Sự phát triển nhanh chóng của nền thương mại thế giới với vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia là biểu hiện của xu thế nào sau khi chiến tranh lạnh chấm

dứt?

A. Xu thế đối thoại.

B. Xu thế hòa hoãn.

C. Xu thế đa cực.

D. Xu thế toàn cầu hóa.

Câu 16 (VD). Sau Chiến tranh lạnh, các nước điều chỉnh quan hệ với nhau theo chiều hướng hòa hoãn, đối thoại, hợp tác chủ yếu là do

A. trật tự hai cực I-an-ta đã được xác lập

B. nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế

C. kinh tế Liên Xô đang lâm vào khủng hoảng

D. Mỹ và Liên Xô hạn chế chạy đua vũ trang

Câu 17 (VD). Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới mới được hình thành sau khi trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ?

A. Mỹ và Trung Quốc là hai siêu cường nắm hoàn toàn quyền chi phối quan hệ quốc tế.

B. Vai trò của các trung tâm, các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực bị suy giảm.

C. Sự hình thành trật tự là tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc.

D. Sự hình thành trật tự bị chi phối bởi kết quả của các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

Câu 18 (VD): Cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, để hội nhập vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cần giữ vững nguyên tắc đối thoại nào?

A. Trung lập trước các vấn đề lớn của quốc tế.

B. Giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia dân tộc.

C. Có phương pháp đối thoại chung với mọi đối tác.

D. Lấy hội nhập chính trị làm cơ sở hội nhập kinh tế.

Câu 19 (VD): Nội dung nào sau đây là xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh được nhân dân các nước hi vọng, mong muốn trở thành hiện thực?

A. Đa cực, đa phe trong đối ngoại quốc tế.

B. Liên kết và hội nhập giữa các nước lớn.

C. Hòa bình, ổn định để cùng phát triển.

D. Phát triển kinh tế, quân sự là trung tâm.

Câu 20 (VD). Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của trật tự thế giới mới được hình thành sau khi trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ?

A. Mỹ và Trung Quốc là hai siêu cường nắm hoàn toàn quyền chi phối quan hệ quốc tế.

B. Vai trò của các trung tâm, các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực bị suy giảm.

C. Sự hình thành trật tự là tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc.

D. Sự hình thành trật tự bị chi phối bởi kết quả của các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc

PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Đọc tư liệu và thực hiện nhiệm vụ

“Nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, song hòa bình ở nhiều khu vực vẫn bị đe dọa, thậm chí có nơi xung đột diễn ra nghiêm trọng và chiều hướng ngày càng rối loạn. Có người còn tỏ ra bi quan cho rằng đây là "thời kỳ hỗn loạn", "thế giới ngày nay bạo loạn bùng nổ, cắt không đứt, dẹp vẫn loạn". Bởi "xiềng xích của cuộc xung đột Đông - Tây đã mất đi, chỉ còn lại

những lợi ích dân tộc đấu tranh với nhau".

(Lý Thục Cốc - *Mỹ thay đổi lớn chiến lược toàn cầu*,
NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1996,
tr.25)

- a. Sau Chiến tranh lạnh, thế giới vẫn xảy ra những xung đột “lợi ích dân tộc” ở nhiều nơi.
- b. Nhìn chung, thế giới sau Chiến tranh lạnh là "thời kỳ hỗn loạn" với những bạo loạn bùng nổ.
- c. “...những lợi ích dân tộc đấu tranh với nhau” đã đưa đến sự rạn nứt giữa dân tộc và quốc gia ngày càng lớn.
- d. Sự phức tạp của vấn đề dân tộc do hậu quả thực dân phương Tây phân chia thuộc địa, khu vực ảnh hưởng dựa trên sự phân bố dân cư các chủng tộc, dân tộc.

Câu 2: Đọc tư liệu và thực hiện nhiệm vụ: “ Sự chấm dứt Chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa (XHCN) thế giới đã kết thúc thời kỳ thế giới hai cực, chấm dứt sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, mở ra một thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu thực sự với sự chuyển đổi của hầu hết các quốc gia đã từng là XHCN, các quốc gia đang phát triển sang kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế hòa bình, hợp tác phát triển đã trở thành xu thế chính của thời đại. Đây là đặc trưng cực kỳ quan trọng.

(Võ Đại Lực: *Những vấn đề lớn về toàn cầu hoá kinh tế*, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 9(125)-2006, tr.9.)

- a. Chiến tranh lạnh thực sự kết thúc khi Liên Xô tan rã và trật tự hai cực sụp đổ.
- b. Sự chấm dứt Chiến tranh lạnh mở ra xu thế toàn cầu hóa và một thời kỳ hội nhập quốc tế toàn cầu thực sự.
- c. Hòa bình, hợp tác và phát triển là dòng chảy chính của thời đại, phổ biến của sự phát triển thế giới.
- d. Chấm dứt sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội đã đưa đến sự xác lập của trật tự thế giới đa cực nhiều trung tâm.

3. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Thế nào là xu thế toàn cầu hóa? Hãy làm sáng tỏ nhận định: Toàn cầu hóa là xu thế phát triển khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược.

Câu 2. Trình bày biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển thế giới.

Câu 3. Nêu xu thế chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh và sự tác động đối với Việt Nam.

Câu 4. Trình bày khái niệm đa cực. Nêu xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. Theo em, để trở thành một cực trong thế giới đa cực, các quốc gia cần phải làm gì?

CHỦ ĐỀ 2: ASEAN – NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG

NAM Á (ASEAN)

Câu 1. ASEAN là một liên minh hợp tác kinh tế- chính trị của các nước thuộc khu vực

A. Đông Bắc Á.

B. Nam Á.

C. Tây Á.

D. Đông Nam Á.

Câu 2. ASEAN ra đời khi

- A. Liên minh châu Âu (EU) đã phát triển mạnh.
- B. tất cả các nước châu Á đã giành được độc lập.
- C. xu hướng khu vực hóa trên thế giới phát triển.
- D. cuộc chiến tranh lạnh đã chấm dứt hoàn toàn.

Câu 3. Sự ra đời và thành công bước đầu của tổ chức khu vực nào sau đây đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết hợp tác với nhau?

- A. Liên minh châu Âu (EU).
- B. Liên minh châu Phi (AU).
- C. Liên hợp quốc (UN).
- D. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC).

Câu 4. Nội dung nào **không** phải là bối cảnh, yêu cầu lịch sử dẫn đến sự hình thành lập của ASEAN?

vực.

- A. Sau khi giành độc lập dân tộc, các nước Đông Nam Á có nhu cầu hợp tác khu
- B. xu thế khu vực hóa trên thế giới xuất hiện từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX.
- C. Nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế ảnh hưởng của các quốc gia bên ngoài.
- D. Xung đột giữa các nước trong khu vực Đông Nam Á ngày càng gia tăng.

Câu 5. Yếu tố quốc tế nào sau đây tác động đến quá trình hình thành của tổ chức

ASEAN?

- A. Quá trình giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á.
- B. Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO).
- C. Các nước Đông Nam Á muốn hạn chế hợp tác với bên ngoài.
- D. Xu thế liên kết khu vực trên thế giới đang phát triển.

Câu 6. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967

khi

- A. các nước trong khu vực Đông Nam Á giành độc lập hoàn toàn.
- B. cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ thất bại.
- C. một số tổ chức khu vực đã ra đời ở Đông Nam Á
- D. Liên Xô và Mỹ đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích thành lập của ASEAN?

- A. Thúc đẩy việc nghiên cứu Đông Nam Á.
- B. Thúc đẩy hợp tác quân sự, tạo ra một liên minh quân sự trong khu vực.
- C. Thúc đẩy hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hoá.
- D. Thúc đẩy hoà bình, ổn định và hợp tác khu vực.

Câu 8. Một trong những mục tiêu quan trọng của tổ chức ASEAN là

- A. xóa bỏ áp bức bóc lột và nghèo nàn lạc hậu.
- B. xây dựng khối liên minh chính trị và quân sự.
- C. xây dựng khối liên minh kinh tế và quân sự.
- D. tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa

Câu 9. Tổ chức ASEAN xác định mục tiêu thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực

thông qua việc

- A. tôn trọng công lý và luật pháp quốc tế.
- B. đề cao công tác nghiên cứu Đông Nam Á.
- C. giúp đỡ lẫn nhau về mặt kinh tế, văn hóa.
- D. ra sức mở rộng quan hệ với các cường quốc.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh mục tiêu thành lập của ASEAN?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển văn hóa trong khu vực thông

qua hợp tác hướng tới một Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.

B. Giúp đỡ lẫn nhau đào tạo và cung cấp phương tiện nghiên cứu trong các lĩnh vực giáo dục, chuyên môn, kỹ thuật và hành chính.

C. Duy trì hợp tác chặt chẽ cùng có lợi với các tổ chức quốc tế và khu vực có tôn chỉ, mục đích tương đồng, thúc đẩy hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức này.

D. Thúc đẩy việc chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, động, thực vật và nghiên cứu thể giới.

Câu 11. Một trong những thành tựu về an ninh, chính trị của ASEAN trong giai đoạn 1976 - 1999 là

A. tham gia tiến trình chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Cam-pu-chia.

B. ra tuyên bố về Đông Nam Á là khu vực hoà bình, tự do và trung lập.

C. xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN.

D. xây dựng trụ sở ASEAN ở thủ đô Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).

1. Câu hỏi đúng sai (4 đến 10 câu)

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai

“Trong quá trình phát triển, EU luôn luôn giữ vững nguyên tắc *đoàn kết, nhất trí*, đó là bài học ASEAN. Muốn bảo đảm sự đoàn kết thì cần có cơ chế *đảm bảo sự đồng thuận*. Đồng thuận trong từng quốc gia, đồng thuận giữa các quốc gia thành viên, đồng thuận với cộng đồng quốc tế, từ đó tạo dựng sự thống nhất, có như vậy mới phát triển được. Bài học của EU trong việc thông qua bản Hiến pháp chung cho thấy cần phải có sự đồng thuận...”

Bài học 45 năm qua của ASEAN cho thấy, chính sự tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và đồng thuận là nguyên tắc bảo đảm sự gắn kết giữa các quốc gia. Nếu rời bỏ nguyên tắc đó sẽ nảy sinh rất nhiều vấn đề, thậm chí có thể đưa đến chia rẽ, nhưng nếu duy trì một cách cứng nhắc các nguyên tắc đó thì sự hợp tác của ASEAN cũng gặp phải những trở ngại. Vì vậy, cần phải tìm cách đáp ứng cả hai nhu cầu: làm cho cỗ máy ASEAN vận hành trôi chảy, đồng thời duy trì được sự thống nhất trong đa dạng. Hiện nay, các nước ASEAN đang cố gắng vận hành theo xu hướng này”.

(*Mô hình hội nhập của EU - ASEAN: những tương đồng, khác biệt và bài học kinh nghiệm* - PGS.TS. ĐINH CÔNG TUẤN VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU, đăng trên

<https://tapchiconsan.org.vn/nguyen-cu/-/2018/17402/mo-hinh-hoi-nhap-cua-eu---asean---nhung-tuong-dong%2C-khac-biet-va-bai-hoc-kinh-nghiem.aspx>

ngày
17-08-

2012)

a). Trong quá trình phát triển, nếu EU luôn luôn giữ vững nguyên tắc *đoàn kết, nhất trí theo đa số* thì ASEAN hoạt động theo cơ chế *đảm bảo sự đồng thuận dựa trên sự đoàn kết giữa tất cả các quốc gia thành viên*. (Đ)

b). ASEAN là một Hiệp hội khá lỏng lẻo về mặt pháp lý, song lại chặt chẽ về nguyên tắc, tiến triển dần dần và biến chuyển linh hoạt trong từng giai đoạn cụ thể tạo nên thành công do phương thức vận hành đặc biệt: đó là sự bình đẳng và đồng thuận trong mọi quyết định. (Đ)

c). Đồng thuận là nguyên tắc nhằm bảo đảm không một quốc gia thành viên nào bị “gạt ra ngoài lề” trong những vấn đề quan trọng nhưng cũng tạo ra những hạn chế nhất định trong tiến trình phát triển ASEAN. (Đ)

d). Đề hội nhập quốc tế sâu rộng và tiếp tục duy trì vai trò trung tâm của ASEAN trong khu vực thì cần xóa bỏ nguyên tắc đồng thuận mà xây dựng cộng đồng giống như mô hình EU. (S)

Câu 2: Khai thác thông tin và tư liệu trong bảng dưới đây về Quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai

Thời gian	Sự kiện
1967	ASEAN 5 gồm: Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin
1984	Bru-nây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN
1995	Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN
1997	Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN
1999	Cam-pu-chia gia nhập và trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN

a). Để thực hiện mục tiêu mở rộng thành viên bao gồm tất cả các nước trong khu vực, ASEAN đã trải qua hành trình hơn 30 năm để đưa ASEAN 5 trở thành ASEAN 10. (Đ)

b). Quá trình mở rộng ASEAN phù hợp với mong muốn, lợi ích của mỗi thành viên, đảm bảo hoà bình, ổn định của cả khu vực, đồng thời nâng cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế. (Đ)

c). Việc Bru-nây tham gia ASEAN đã giúp cho tổ chức này lớn mạnh cả về quy mô, tiềm lực và tổ chức, giúp ASEAN trở thành một tổ chức khu vực vững mạnh. (S)

d). Việc các nước Đông Dương gia nhập ASEAN đã chấm dứt sự nghi kỵ, chia rẽ, đối đầu, mở ra một thời kỳ phát triển mới của hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực. (Đ)

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai

“Thứ ba, để thực hiện các tôn chỉ và mục đích của ASEAN, sẽ thiết lập bộ máy dưới đây: a) Hội nghị hàng năm của các Ngoại trưởng sẽ được tiến hành trên cơ sở luân phiên và được gọi là Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN...

Thứ tư, Hiệp hội này mở rộng cho tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á tán thành tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích nói trên tham gia”.

(*Tuyên bố Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN* (Tuyên bố Băng Cốc), ngày 8-8-1967)

a). ASEAN mở rộng cho tất cả các nước trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. (S) b). Hội nghị Ngoại trưởng là cơ chế quyền lực hàng đầu giải quyết các vấn đề của ASEAN. (Đ)

c). Hội nghị Ngoại trưởng diễn ra không theo định kì. (S)

d). Hiệp hội hoạt động trên cơ sở đồng thuận giữa các quốc gia. (Đ)

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai

“Trong thập niên 1990, các nước ASEAN đã xúc tiến việc thực hiện những mục tiêu của Tuyên bố ZOPFAN nhằm biến Đông Nam Á thành khu vực tự do, hoà bình và trung lập. Từ tháng 12-1987, Hội nghị cấp cao ASEAN-3 tại Ma-ni-la, các nước ASEAN đã khẳng định quyết tâm biến Đông Nam Á thành khu vực phi vũ khí hạt nhân. Sau đó, tại Hội nghị cấp cao ASEAN-5 ở Băng Cốc (12-1995), các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí kết Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ)”.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.839)

a). Tuyên bố ZOPFAN có mục tiêu biến Đông Nam Á thành khu vực không có vũ khí hạt nhân. (S)

b). SEANWFZ là tên viết tắt của Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân. (Đ)

- c). SEANWFZ được kí kết vào tháng 12-1987 tại Ma-ni-la. (S)
- d). Nội dung đoạn tư liệu trên phản ánh quá trình hợp tác an ninh và ngăn chặn phổ

biển vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á của ASEAN. (Đ)

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai

“Cộng đồng kinh tế ASEAN đã và đang tạo ra những cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân nước ta.

Gia nhập AEC cũng như tham gia các hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với các đối tác, một mặt giúp Việt Nam thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, mặt khác cũng là cầu nối để Việt Nam tiếp cận các thị trường tiềm năng trong và ngoài khu vực. Việc thực hiện các cam kết trong ASEAN đã và đang tạo nền tảng để Việt Nam tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ với các đối tác ngoài ASEAN, nhất là các nước lớn, qua đó, góp phần nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam. Có thể nói, hội nhập ASEAN cho đến nay vẫn được coi là “điểm tựa” quan trọng cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Tất nhiên, bên cạnh cơ hội là những thách thức, chúng ta cũng sẽ phải đối mặt và vượt qua. Một trong những thách thức lớn nhất của Việt Nam khi gia nhập vào AEC là sự chênh lệch về trình độ phát triển so với 6 nước thành viên ban đầu của ASEAN (ASEAN-6). Tuy nhiên, trong thời gian 26 năm qua, khoảng cách giữa chúng ta với nhóm 6 nước ASEAN đã được thu hẹp một cách đáng kể...”

(Nguyễn Hồng Diên, *Cộng đồng kinh tế ASEAN – Cơ hội và thách thức*, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, phát hành ngày 11 – 8 – 2021)

a). Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về thời cơ và thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN. (Đ)

b). Một trong những thách thức lớn nhất của Việt Nam khi gia nhập vào Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự chênh lệch về trình độ phát triển so với 6 nước thành viên ban đầu. (Đ)

c). Việc Việt Nam gia nhập ASEAN chỉ mang lại thời cơ duy nhất là thúc đẩy sự phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. (S)

Những cơ hội và thách thức Việt Nam gia nhập ASEAN cũng đồng thời là những cơ hội và thách thức chung của các nước đang phát triển trong xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa. (Đ)

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: So sánh tổ chức Liên hợp quốc với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

Câu 2: Làm rõ quan hệ giữa ASEAN và Việt Nam. Thời cơ và thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN.

Câu 3: Trình bày nguyên nhân ra đời của tổ chức ASEAN. Nội dung chính của Hiệp ước Bali là gì? Tại sao nói từ cuối thập niên 80 trở đi, một thời kì mới đã mở ra cho các nước Đông Nam Á?

Câu 4. Trong xu thế hòa hoãn Đông - Tây từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ giữa các nước Đông Nam Á đã thay đổi như thế nào để cho phù hợp với xu thế quốc tế?

Câu 5. Việt Nam ra nhập ASEAN năm 1995 trong bối cảnh nào? Thời cơ và thách thức của Việt Nam khi gia nhập ASEAN.

Câu 6: Giải thích vì sao Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời năm 1967 nhưng việc mở rộng thành viên từ 5 nước ban đầu lên 10 nước lại diễn ra lâu dài?

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Câu 5. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là

- A. Cộng đồng Chính trị - an ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Văn hóa - xã hội.
- B. Cộng đồng Chính trị - an ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Khoa học - công nghệ.
- C. Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Văn hóa - xã hội, Cộng đồng Môi trường.

D. Cộng đồng Chính trị - an ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Giáo dục - đào tạo.

Câu 6. Điều **không** phải là nội dung của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN?

- A. Điều phối sự hợp tác an ninh, chính trị trong khu vực.
- B. Tạo khối phòng thủ chung.
- C. Thúc đẩy hòa bình, ổn định, hợp tác trong khu vực.
- D. Mở rộng an ninh bên ngoài.

Câu 7. Năm 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN có quyết định chính thức

- A. thành lập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- B. thành lập Cộng đồng ASEAN.
- C. xác lập quan hệ ngoại giao với EU.
- D. kết nạp Đông Timor vào Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 8. Trong Cộng đồng ASEAN để giải quyết các vấn đề xung đột cần dựa vào

- A. quyết định của Hội nghị thượng đỉnh ASEAN.
- B. sự hoạt động của Diễn đàn khu vực ASEAN.
- C. Hiến chương của ASEAN.
- D. Hội đồng điều phối ASEAN.

Câu 9. Phương án nào thể hiện mục tiêu của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN?

- A. Năm 2003, ra kế hoạch tổ chức tập trận chung.
- B. Xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định, phát triển.
- C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Tăng cường hợp tác quốc tế trong các vấn đề an ninh.

Câu 10. “Xây dựng ASEAN thành Cộng đồng gắn kết về chính trị, hợp tác kinh tế và có trách nhiệm xã hội với người dân” là

- A. kế hoạch của Cộng đồng ASEAN.
- B. nguyên tắc thực hiện của Cộng đồng ASEAN.
- C. mục tiêu đối ngoại giữa ASEAN với các đối tác.
- D. cơ chế hoạt động của cộng đồng.

Câu 11. Năm 2007, văn bản “Tầm nhìn ASEAN 2020” xác định Cộng đồng ASEAN được xây dựng dựa trên sự nhận thức rõ ràng về yếu tố

- A. tương đồng chính trị.
- B. liên kết an ninh.
- C. tương đồng về kinh tế.
- D. lịch sử - văn hóa.

Câu 12. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN có những ưu điểm gì? A.Thúc đẩy hợp tác kinh tế và phòng chống tội phạm.

- B. Giải quyết các quyền và bình đẳng xã hội.
- C. Đảm bảo quyền lợi phát triển con người.
- D. Thúc đẩy hợp tác an ninh và phòng chống khủng bố.

Câu 13. Điều là điểm hạn chế của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN?

- A. Thúc đẩy hợp tác an ninh và phòng chống khủng bố.
- B. Góp phần quan trọng duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực.
- C. Thúc đẩy sự hợp tác đối phó với các thách thức ở Biển Đông.
- D. Cơ chế pháp lý phối hợp giữa các nước thành viên chưa hiệu quả.

Câu 14. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN có vai trò như thế nào trong việc duy trì hòa

bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á?

- A. Quyết định trong việc thúc đẩy hợp tác an ninh, phòng chống khủng bố.
- B. Quyết định trực tiếp giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- C. Góp phần hạn chế sự tác động của các nước lớn đối với an ninh khu vực.
- D. Xây dựng mối quan hệ song phương với các đối tác, thị trường tự do.

Câu 15. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN đã đạt được những thành tựu gì?

- A. Từng bước đa dạng hóa, thúc đẩy hợp tác quốc phòng ở khu vực.
- B. Giải quyết các tranh chấp triệt để bằng biện pháp hòa bình.
- C. Xây dựng được thị trường tự do, ổn định và phát triển.
- D. Tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực an sinh xã hội.

1. Câu hỏi đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 11/2003, hội nghị cấp cao ASEAN-9 ở Bali (Indonesia) đã đưa ra lộ trình thực hiện *Tầm nhìn ASEAN 2020*, hướng tới Cộng đồng ASEAN đoàn kết, phát triển vững mạnh dựa trên ba trụ cột chính là hợp tác an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội”. (Nguyễn Thành Văn, “*Sự tiến triển quan điểm của ASEAN về Cộng đồng ASEAN*”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, 1/2008, tr. 34-46, tr. 35).

- a. Nội dung đoạn tư liệu trên hướng ASEAN thành Cộng đồng khu vực với ba trụ cột chính.
- b. Hội nghị cấp cao ASEAN-9 đưa ra lộ trình Tầm nhìn ASEAN trong giai đoạn mới ở thế kỉ XX.
- c. Năm 2003, lần đầu tiên khái niệm Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC) được Indonesia đưa ra.
- d. Ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN không vì sự phát triển và tăng cường hợp tác quốc tế.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cộng đồng ASEAN không phải là tổ chức siêu quốc gia, cũng không phải là tổ chức khép kín của các nước trong khu vực mà được nhìn nhận như là tổ chức mở rộng hợp tác ra bên ngoài. Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng an ninh (ASC), Cộng đồng kinh tế (AEC), Cộng đồng văn hóa - xã hội (ASCC)”.

(Nguyễn Thu Mỹ (CB) (2012), *Lịch sử Đông Nam Á, tập VI, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 660*; Nguyễn Huy Hoàng (2013), *Đánh giá thực hiện các cam kết xây dựng Cộng đồng ASEAN, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 33*).

- a. Cộng đồng an ninh ASEAN là khung hợp tác về an ninh - chính trị toàn diện nhằm nâng cao vấn đề chính trị - an ninh lên một tầm cao mới.
- b. Cộng đồng kinh tế, không thống nhất cao của các nước thành viên trong khu vực đã đề ra mục tiêu làm thay đổi ASEAN.
- c. Cộng đồng Văn hóa - xã hội có mục tiêu xây dựng một cộng đồng các dân tộc ASEAN hài hòa, đoàn kết, sống đùm bọc và chia sẻ.
- d. Ba trụ cột sau khi thành lập đã không tạo thành thế ba chân vững chắc cho Cộng đồng ASEAN phát triển.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) được thành lập để hoạt động và hợp tác trong 9 lĩnh vực chính là: chính trị; xây dựng và chia sẻ chuẩn mực; ngăn ngừa xung đột, xây dựng lòng tin; giải quyết xung đột và tranh chấp một cách hòa bình; xây dựng hòa bình

sau xung đột; an ninh phi truyền thống; vấn đề thiên tai; các vấn đề khẩn cấp; và quan hệ với bên ngoài”

(Nguyễn Thị Thanh Thủy, “Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN: Cơ hội và thách thức ở phía trước”, *Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn*, 1/2017, tr. 32-41, tr. 32)

- a. Nội dung đoạn tư liệu nói về một số vấn đề mà ASEAN và APSC phải đối mặt trong hiện tại và tương lai đến năm 2030.
- b. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN không hề có những mâu thuẫn trong nội tại ASEAN và vấn đề Biển Đông.
- c. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) được thành lập không nhằm giải quyết các vấn đề xung đột tranh chấp.
- d. APSC thành lập vì những thay đổi về chính trị và xung đột trong khu vực; và những thách thức liên quốc gia.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Liên hợp quốc đánh giá cao sự tham dự và cam kết vững chắc của ASEAN đối với chủ nghĩa đa phương và hợp tác khu vực. ASEAN có vai trò cốt lõi trong việc thúc đẩy nhân quyền, các quyền cơ bản và sự tham dự chính trị rộng rãi như các thành tố để xây dựng các xã hội thực sự hoà bình, ổn định. Và ASEAN cũng đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của một nền kinh tế toàn cầu vững mạnh".

(Trích: Phát biểu khai mạc Hội nghị cấp cao ASEAN của Tổng Thư kí Liên hợp quốc An-tôn-ni-ô Gu-tê-rêz (Phnôm Pênh, 2022))

- a. Nội dung tư liệu ghi nhận vai trò của ASEAN về kinh tế, chính trị và xã hội.
- b. ASEAN là tổ chức khu vực thành công nhất thế giới.
- c. ASEAN là tổ chức hợp tác chính trị, quân sự toàn cầu.
- d. ASEAN đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ASEAN đang trên đà hội nhập mạnh mẽ khi thành lập Cộng đồng chung năm 2015. Trong ba trụ cột của Cộng đồng, thì “cột trụ” Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) là nội dung hội nhập quan trọng nhất. AEC ra đời là một bước ngoặt đánh dấu sự hội nhập khu vực một cách toàn diện của các nền kinh tế Đông Nam Á và đặt ra nhiều cơ hội đối với đối với kinh tế các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam”.

(Hồng Phong, *Tìm hiểu về ASEAN*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.150)

- a. Nội dung tư liệu khẳng định vai trò của Cộng đồng ASEAN được thành lập từ năm 2015.
- b. Nội dung tư liệu ghi nhận Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC) là nội dung hội nhập quan trọng nhất.
- c. Nền kinh tế Việt Nam có nhiều cơ hội hội nhập toàn diện với nền kinh tế các nước ASEAN.
- d. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) là tổ chức hợp tác kinh tế - chính trị toàn diện.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhằm định hướng cho giai đoạn phát triển tiếp theo, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025, cam kết xây dựng cộng đồng hòa bình, ổn định và tự cường, ứng phó hiệu quả với các thách thức.

Chúng ta hoàn toàn có cơ sở tin tưởng rằng, hình ảnh một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững nhất định sẽ trở thành hiện thực trong những thập niên đầu của thế kỉ XXI”

(Hồng Phong, *Tìm hiểu về ASEAN*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.151)

- a. Nội dung tư liệu khẳng định triển vọng phát triển của Cộng đồng ASEAN trong tương lai.
- b. Tháng 11-2015, cùng với việc tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua văn kiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025.
- c. Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN năm 2025 nhằm xây dựng ASEAN thành cộng đồng mạnh về kinh tế và quân sự.
- d. Trong những thập niên đầu của thế kỉ XXI, ASEAN sẽ trở thành một tổ chức khu vực mạnh nhất toàn cầu.

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Từ kiến thức đã học ở chủ đề 2, anh / chị hãy khái quát ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Câu 2. Có ý kiến cho rằng, từ khi thành lập đến nay, Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với nhiều thách thức, song cũng có rất nhiều triển vọng để tiếp tục phát triển trong tương lai.

BÀI 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Câu 1. Một trong những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là:

- A. Cao Bằng. B. Hải Dương. C. Nam Định. D. Thanh Hóa.

Câu 2. Những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là:

- A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
 B. Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội.
 C. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Quảng Nam, Đà Nẵng.
 D. Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Giang, Hải Dương.

Câu 3. Một trong những địa phương giành chính quyền sau cùng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là:

- A. Bến Tre. B. Bình Định. C. Hà Tiên. D. Cần Thơ.

Câu 4. Một trong những địa phương giành chính quyền sau cùng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là:

- A. Bến Tre. B. Bình Định. C. Đồng Nai Thượng. D. Cần Thơ.

Câu 5. Những địa phương giành chính quyền sau cùng trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. Bến Tre, Long An. B. Bình Định, Ninh Thuận.
 C. Đồng Nai Thượng, Hà Tiên. D. Cần Thơ, Hà Tiên.

Câu 6. Thời cơ khách quan thuận lợi của Cách mạng tháng Tám là sự kiện nào sau đây?

- A. Nhật đảo chính lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương (9/3/1945).
 B. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật (6, 9/8/1945).
 C. Đức đã đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện (9/5/1945).
 D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện (15/8/1945).

Câu 7: Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước khi

- A. Nhật tiến hành đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.
- B. Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
- C. Phe Đồng minh chuyển sang phản công trên khắp các mặt trận.
- D. Liên quân Anh – Mỹ triển khai các hoạt động tấn công Nhật Bản.

Câu 8. Tổ chức cách mạng nào sau đây đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi?

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Việt Nam Quốc dân Đảng.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 9. Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc.
- B. sự chuẩn bị của Đảng trong 15 năm.
- C. những thắng lợi của quân Đồng minh.
- D. truyền thống yêu nước của dân tộc.

Câu 10. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giúp Tổng khởi nghĩa giành chính quyền được thắng lợi trong cả nước.
- B. Ảnh hưởng lớn và quyết định đến các địa phương khác trong cả nước.
- C. Đó là các cuộc khởi nghĩa hình mẫu trong Cách mạng tháng Tám.
- D. Đánh dấu Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi hoàn toàn.

Câu 11. Một trong những bài học được rút ra từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay là

- A. tận dụng, phát huy truyền thống đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.
- B. kết hợp xây dựng lực lượng vũ trang với sức mạnh của lực lượng quốc tế.
- C. cần dự đoán chính xác và nhanh chóng nắm bắt thời cơ để giành thắng lợi.
- D. linh hoạt, quyết đoán trong việc kết hợp các hình thức đấu tranh ngoại giao.

Câu 12. Nhận định “Cách mạng tháng Tám là ăn may, là lấp lỗ trông quyền lực”. Đúng hay sai? Vì sao?

- A. Đúng, vì khi đó trên đất nước chưa hề có một chính quyền nào hợp pháp.
- B. Đúng, vì quân Nhật đã đầu hàng, quân Đồng Minh chưa vào Đông Dương.
- C. Sai, vì Đảng, nhân dân đã có sự chuẩn bị tốt, chu đáo suốt mười lăm năm.
- D. Sai, vì Cách mạng tháng Tám đã nhận được sự hỗ trợ của phe Đồng minh.

Câu 13. Nhận định nào sau đây đúng về vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Trực tiếp cùng với Đảng lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi.
- B. Liên hệ với Trung Quốc, Liên Xô để tranh thủ sự ủng hộ cho cách mạng.
- C. Lập và thông qua danh sách chính phủ lâm thời của nước Việt Nam mới.
- D. Trực tiếp lãnh đạo lực lượng vũ trang đánh chiếm cơ quan đầu não kẻ thù.

Câu 14. Từ thực tiễn của cuộc vận động giải phóng dân tộc (1939 - 1945) ở Việt Nam cho thấy, một nội dung quan trọng trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về khởi nghĩa vũ trang là

- A. dùng bạo lực để trấn áp mọi kẻ thù của dân tộc.
- B. giành chính quyền từ nông thôn bao vây thành thị.

C. khởi nghĩa toàn dân vì mục tiêu giành chính quyền.

D. xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân đánh Nhật.

Câu 15. Bài học rút ra từ sự thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á là gì?

A. Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

B. Chớp thời cơ phát lệnh khởi nghĩa.

C. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin.

D. Có quá trình chuẩn bị chu đáo, kĩ lưỡng, chớp thời cơ.

Câu 15. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được đánh giá là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời mang tính dân chủ vì lí do nào sau đây?

A. Là một bộ phận của các lực lượng hoà bình, tiến bộ chống chủ nghĩa phát xít.

B. Đã lật đổ chế độ phong kiến và xoá bỏ hoàn toàn các tàn tích của chế độ cũ.

C. Hoàn thành mục tiêu chiến lược của cách mạng là độc lập và ruộng đất cho dân cày.

D. Cuộc cách mạng thực hiện thành công khẩu hiệu “Người cày có ruộng” trên cả nước. **Câu**

16. Một trong những điểm giống nhau của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945-1975) ở Việt Nam là

A. lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định thắng lợi.

B. lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định thắng lợi.

C. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

D. có sự sáng tạo trong phương thức sử dụng lực lượng.

Câu 17. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được Đảng Cộng sản Đông Dương rút ra về tập hợp, tổ chức lực lượng, phân hóa và cô lập kẻ thù trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi trên cơ sở liên minh công - nông

B. Giải quyết tốt những yêu cầu và nguyện vọng trước mắt của quần chúng.

C. Tập trung tất cả các lực lượng để tấn công nhiều kẻ thù cùng một lúc.

D. Triệt để tận dụng những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo Tổng khởi giành chính quyền năm 1945 của Đảng Cộng sản Đông Dương?

A. Phải xây dựng được khối liên minh công - nông, xây dựng đoàn kết quốc tế.

B. Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai và hợp pháp, nửa hợp pháp.

C. Phải chú ý xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh để quyết định chiến trường.

D. Khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận, chớp thời cơ khởi nghĩa. **Câu**

19. Một trong những đặc điểm và ưu điểm lớn của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là gì?

A. Cuộc khởi nghĩa vũ trang nhưng diễn ra khá ôn hòa, tránh xung đột đổ máu.

B. Cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân quyết liệt giành chính quyền với mọi giá.

C. Cuộc cách mạng bạo lực khi phong trào cách mạng thế giới đều tạm ngưng.

D. Cách mạng vô sản đầu tiên ở nước thuộc địa thành công nhanh, ít đổ máu.

Câu 20. Khác với Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, Cách mạng tháng Mười ở Nga năm 1917 diễn ra theo hình thái

A. bắt đầu từ thành thị, lấy thành thị làm trung tâm.

B. nổ ra đồng thời trên cả nước, cả nông thôn và thành thị.

C. kết hợp hài hòa giữa nông thôn và thành thị.

D. bắt đầu từ nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị.

Câu 21. Nét tương đồng về hình thức đấu tranh của cách mạng Cuba năm 1959 so với Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. đấu tranh ngoại giao.

B. đấu tranh chính trị.

C. đấu tranh vũ trang.

D. khởi nghĩa từng phần.

Câu 22. Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam?

A. Mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

B. Buộc Pháp công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

C. Góp phần chiến thắng phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do.

Câu 23. Sự kiện nào dưới đây đã mở đầu kỷ nguyên mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

A. Thắng lợi trong phong trào 1930-1931.

B. Thắng lợi trong phong trào dân chủ 1936-1939.

C. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. Thắng lợi của khởi nghĩa từng phần (tháng 3 ☞ giữa 8-1945).

Câu 24. Hành động thể hiện sự nhạy bén, kịp thời của Đảng Cộng sản Đông Dương trước những chuyển biến của tình hình thế giới vào đầu tháng 8 năm 1945 là

A. thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

B. triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào.

C. đã gấp rút thành lập 19 ban xung phong Nam tiến.

D. lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ra Quân lệnh số 1.

Câu 25. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám đã có ý nghĩa như thế nào đối với thế giới ?

A. Góp phần làm đảo lộn và đưa tới thất bại chiến lược toàn cầu của Mỹ.

B. Cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh tự giải phóng.

C. Góp phần đưa đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi.

D. Xây dựng vững chắc thành trì của phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 26. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam diễn ra theo hình thái nào sau đây?

A. Tổng công kích giành chính quyền.

C. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

B. Bãi công để giành chính quyền.

D. Chiến tranh cách mạng.

Câu 27. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

A. những thắng lợi của phe Đồng minh chống phát xít.

B. tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

C. truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của nhân dân.

D. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và bạn bè quốc tế.

Câu 28. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là?

A. Những thắng lợi của phe Đồng minh chống phát xít.

B. Tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

C. Quá trình chuẩn bị lực lượng chu đáo suốt 15 năm.

D. Sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và bạn bè quốc tế.

Câu 29. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. những thắng lợi của phe Đồng minh chống phát xít.
- B. tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.
- C. sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và bạn bè quốc tế.

Câu 30. Sự kiện nào dưới đây đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền?

- A. Thắng lợi trong phong trào 1930-1931.
- B. Thắng lợi trong phong trào dân chủ 1936-1939.
- C. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- D. Thắng lợi của khởi nghĩa từng phần (tháng 3 ☞ giữa 8-1945).

Câu hỏi đúng sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Không những giết tung được xiềng xích của bọn đế quốc phát xít, Cách mạng tháng Tám lại lật nhào được chế độ quân chủ thành lập trên đất nước ta hàng chục thế kỉ, làm cho nước Việt Nam thành một nước cộng hoà dân chủ ...

Cách mạng tháng Tám tỏ rõ tinh thần chống phát xít và yêu chuộng dân chủ và hoà bình của nhân dân Việt Nam... Cách mạng tháng Tám đã chọc thủng được hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc ở một trong những mắt xích yếu nhất của nó, mở đầu cho quá trình tan rã không thể cứu vãn được của chủ nghĩa thực dân thế giới”.

(Trường Chinh, Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam – Tác phẩm chọn lọc, Tập I, NXB Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.388 – 389, 391)

- a. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã chấm dứt chế độ quân chủ tồn tại nhiều thế kỉ.
- b. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã xoá bỏ mọi tàn dư của chủ nghĩa thực dân cũ trên đất nước Việt Nam.
- c. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
- d. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang tính chất dân chủ, góp phần vào giải phóng con người.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sự đầu hàng của Chính phủ Nhật đã đẩy quân Nhật đang chiếm đóng ở Đông Dương vào tình thế tuyệt vọng như rắn mất đầu, hoang mang dao động đến cực độ. Chính phủ Trần Trọng Kim rệu rã... Trước tình hình như vậy, Hồ Chí Minh mặc dù đang ốm nặng đã sáng suốt nhận thức rằng: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Như đã nói, đây không chỉ là sự nhận thức khách quan khoa học mà còn biểu hiện quyết tâm đấu tranh giành chính quyền khi thời cơ đã có. Sự kết hợp giữa tình hình khách quan và nhận thức chủ quan một cách chính xác là một trong những điều kiện đưa cách mạng đến thắng lợi”.

(Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Cách mạng tháng Tám năm 1945 – Toàn cảnh, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2015, tr.48)

- a. Phát xít Đức đầu hàng đã tạo ra thời cơ thuận lợi “ngàn năm có một” cho cách mạng Việt Nam.

b.Sự thống nhất trong hành động và quyết tâm giành chính quyền của nhân dân Việt Nam là một trong những yếu tố làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

c.Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có sự kết hợp giữa yếu tố khách quan thuận lợi với yếu tố chủ quan (đóng vai trò quyết định) là một nhận thức khoa học.

d.Nhận thức rõ yếu tố thời cơ đan xen lẫn yếu tố nguy cơ, Đảng và Hồ Chí Minh đã hành động kịp thời và kiên quyết phát động toàn quốc đứng lên giành chính quyền.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cách mạng tháng Tám... kết hợp tài tình đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, một cuộc nổi dậy ở cả nông thôn và thành thị khắp Bắc, Trung, Nam mà đòn quyết định là các cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và ở các thành phố quan trọng khác. Hành động mau lẹ của Đảng ta chuyển nhanh từ chiến tranh du kích cục bộ ở nông thôn sang phát động tuyệt đại đa số quần chúng nhất tề đứng lên cùng với lực lượng vũ trang mới tổ chức và ít ỏi lúc ban đầu, tiến hành tổng khởi nghĩa ở thành thị là một chủ trương vô cùng sáng suốt của Trung ương Đảng lúc bấy giờ trong việc nắm thời cơ”.

(Lê Duẩn, Tuyển tập, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.786)

a.Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam mang đặc điểm độc đáo là có sự kết hợp giữa sử dụng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ba thứ quân.

b.Tiến trình của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam phát triển từ chiến tranh du kích cục bộ ở địa phương lên chiến tranh chính quy trên phạm vi cả nước.

c.Trong Cách mạng tháng Tám, khởi nghĩa nổ ra đồng loạt ở các địa phương, thắng lợi ở mỗi địa phương có vai trò, vị trí như nhau.

d.Nét đặc sắc về nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa của Đảng là tận dụng thời cơ để đẩy lùi nguy cơ; kết hợp sức mạnh các lực lượng dân tộc và giành chính quyền trên cả hai địa bàn chiến lược.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

(Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.25)

a.Đoạn tư liệu phản ánh ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam

b.Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam đã cổ vũ tinh thần đấu tranh chống thực dân của nhân dân các nước thuộc địa.

c.Đảng Cộng sản Đông Dương có vai trò to lớn trong lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công.

d.Cách mạng tháng Tám (1945) ở Việt Nam chỉ có ý nghĩa với Việt Nam

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”

(Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 1 (1919-1945), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 702)

Đoạn tư liệu trên khẳng định:

a.quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

b.quyết tâm bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

- c. quyết tâm bảo vệ quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.
- d. chủ quyền của dân tộc ta trên phương diện pháp lý và thực tiễn.

3. Câu hỏi tự luận

Câu 1. a) Phân tích điều kiện bùng nổ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 trên cơ sở làm rõ mối quan hệ giữa điều kiện chủ quan và khách quan hãy trình bày suy nghĩ mối quan hệ giữa những điều kiện ấy trong tình hình đất nước hiện nay.

b). Hãy trình bày suy nghĩ về những kinh nghiệm phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay .

Câu 2. Hãy làm rõ thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vì sao nói thời cơ của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là “thời cơ ngàn năm có một”?

BÀI 7

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1 (NB): Trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước khó khăn nào?

- A. Quân Pháp trở lại Đông Dương theo quy định của Hội nghị Potsdam.
- B. Các đảng phái trong nước đều câu kết với quân Trung Hoa Dân quốc.
- C. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, giặc ngoại xâm và nội phản.
- D. Khối đoàn kết dân tộc bị chia rẽ sâu sắc, lực lượng chính trị suy yếu

Câu 2(NB): Một trong những thuận lợi của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi mới thành lập là

- A. được Trung Quốc và Liên Xô giúp đỡ.
- B. được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận.
- C. nhân dân đã giành được quyền làm chủ đất nước.
- D. Phát xít Nhật đã được giải giáp khỏi nước ta.

Câu 3(NB): Quân đội các nước với danh nghĩa Đồng minh vào nước ta sau năm 1945 là

- A. quân Anh, quân Trung Hoa Dân quốc.
- B. quân Pháp, quân Anh.
- C. quân Pháp, quân Trung Hoa Dân quốc.
- D. quân Anh, quân Mỹ.

Câu 4(TH): Sự kiện đánh dấu việc thực dân Pháp chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai là

- A. Pháp gây hấn ở Sài Gòn – Chợ Lớn khi nhân dân mít tinh.
- B. quân Pháo chiếm đóng những nơi quan trọng ở Sài Gòn.
- C. quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ.
- D. Pháp gửi tối hậu thư đòi quyền giữ gìn trật tự ở Hà Nội.

Câu 5(TH): Nhiệm vụ cấp bách của Cách mạng Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. củng cố chính quyền, chống Pháp và nội phản.
- B. chống quân Đồng minh đang có âm mưu xâm lược trở lại.
- C. chống bọn phản động ta sai của quân Đồng minh.
- D. xây dựng đất nước đi lên Chủ nghĩa xã hội.

Câu 6(TH). Khi Pháp xâm lược Nam Bộ(9/1945), Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có hành động nào để bảo vệ nền độc lập đất nước?

- A. Đã tiến hành đàm phán khẩn cấp với Pháp.
- B. Tổ cáo hành vi của Pháp đến Liên hợp quốc.

- C. Đưa toàn bộ quân đội vào Nam chiến đấu.
- D. Huy động cả nước để chi viện cho Nam Bộ.

Câu 7(VDT). Quân Trung Hoa Dân quốc vào nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thực chất nhằm mục đích

- A. lật đổ chính quyền cách mạng, tiêu diệt đảng cộng sản.
- B. câu kết với bọn phản động để dựng lên chính phủ tay sai.
- C. làm hậu thuẫn cho quân Mĩ chiếm Đông Dương.
- D. giúp đỡ thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam.

Câu 8(VDT) Âm mưu chủ yếu của các thế lực phản động trong và ngoài nước đối với Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim.
- B. đưa thực dân Pháp quay trở lại xâm lược.
- C. mở đường cho đế quốc Mĩ xâm lược VN.
- D. chống phá chính quyền cách mạng VN.

Câu 9(VDC) Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam bộ trong những ngày đầu thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam đã

- A. ngăn chặn hoàn toàn cuộc chiến với thực dân Pháp.
- B. khắc phục được nhiều khó khăn do chế độ cũ để lại .
- C. bảo vệ vững chắc nền độc lập non trẻ của Việt Nam.
- D. tạo tiền đề cho cuộc trường kì kháng chiến của dân tộc.

Câu 10(VDC) Cuộc chiến đấu của nhân dân Nam bộ trong những ngày đầu thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam đã chứng minh

- A. sự đúng đắn của đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.
- B. sự chuẩn bị đầy đủ về lực lượng của ta trước âm mưu mới của kẻ thù .
- C. quyết tâm của ta trong việc bảo vệ thành quả của cách mạng.
- D. thực dân Pháp đã thất bại hoàn toàn trong âm mưu mới.

Câu 11 (NB). Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bùng nổ (1945) trong bối cảnh quốc tế nào sau đây?

- A. Nhân dân Việt Nam đã trở thành người làm chủ đất nước
- B. Lực lượng vũ trang ba thứ quân có sự phát triển vượt bậc
- C. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phát triển.
- D. Chế độ xã hội mới, tiến bộ ở Việt Nam đang được củng cố.

Câu 12 (NB). Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1945- 1954) diễn ra trong điều kiện

- A. quan hệ quốc tế bị chi phối bởi trật tự hai cực I-an-ta.
- B. nguy cơ chiến tranh thế giới hai đe dọa toàn nhân loại.
- C. chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô khủng hoảng sâu sắc.
- D. trật tự thế giới đa cực đang trong giai đoạn hình thành.

Câu 13 (NB). Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, thực dân đế quốc nào sau đây đã quay trở lại xâm lược Việt Nam?

- A. Anh
- B. Pháp
- C. Mĩ
- D. Nhật

Câu 14 (NB). Sự kiện nào trực tiếp dẫn đến cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bùng nổ vào ngày 19 – 12 – 1946?

- A. Quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.

B. Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến”.

D. Quân Pháp mở chiến dịch tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc

Câu 15 (NB). Ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã quyết định

A. kí hiệp định Sơ bộ với Pháp.

B. phát động toàn quốc kháng chiến.

C. phản công quân Pháp tại Việt Bắc

D. ra chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

Câu 16 (TH). Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (19/12/1946) là do

A. Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ của Liên Xô và một số nước khác.

B. quá trình chuẩn bị lực lượng của Việt Nam cho cuộc kháng chiến đã hoàn tất.

C. Pháp ráo riết chuẩn bị lực lượng quân sự để tiến hành xâm lược Việt Nam.

D. Việt Nam không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hòa bình với Pháp được nữa.

Câu 17 (TH). Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (cuối 1946 – đầu 1947) đã

A. tiêu diệt hoàn toàn lực lượng chủ lực của địch tại các đô thị.

B. làm phá sản kế hoạch « đánh nhanh thắng nhanh » của Pháp.

C. mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc.

D. củng cố niềm tin của quân dân ta vào thắng lợi kháng chiến.

Câu 18 (TH). Cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam tại các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947 có nhiệm vụ trọng tâm là

A. giữ thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

B. đưa cả nước bước vào kháng chiến lâu dài.

C. phá hủy toàn bộ phương tiện vật chất của Pháp.

D. tiêu diệt toàn bộ binh lực Pháp.

Câu 19 (NB). Âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu -đông 1947.

B. Chiến dịch biên giới thu - đông 1950

C. Cuộc Tiến công chiến lược đông – xuân 1953-1954

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954

Câu 20(NB). Tháng 2-1951, tại Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang) đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần I.

B. Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

C. Hội nghị đại biểu thành lập Liên minh nhân Việt-Minh-Lào.

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 21(NB). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng (2/1951) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi mới là

A. Đảng Cộng Sản Đông Dương.

B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Cộng Sản Việt Nam.

D. Đảng Lao động Đông Dương.

Câu 22(NB). Để làm phá sản kế hoạch Rove của Pháp, tháng 6-1950 Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định mở chiến dịch nào sau đây?

A. Hồ Chí Minh.

B. Việt Bắc thu - đông.

C. Biên giới thu - đông.

D. Điện Biên Phủ.

Câu 23(TH). Về chính trị, trong những năm 1951-1953, ở Việt Nam diễn ra sự kiện nào sau đây?

A. Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng.

B. Thành lập Mặt trận Việt Minh.

C. Quân giải phóng miền Nam ra đời.

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng.

Câu 24 (TH). Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950 ở Việt Nam được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc.

B. Thực dân Pháp lâm vào thế bị động trên chiến trường chính

C. Thực dân Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

D. Mỹ đang hỗ trợ thực dân Pháp triển khai kế hoạch Nava.

Câu 25 (TH). Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947?

A. Phá vỡ thế bị bao vây cô lập của cách mạng Việt Nam.

B. Làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng.

C. Pháp buộc phải chuyển từ “*đánh nhanh thắng nhanh*” sang “*đánh lâu dài*” với ta.

D. Làm cho quân Pháp phải lệ thuộc hoàn toàn vào Mỹ.

Câu 26 (TH). Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng về cuộc chiến đấu trong các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 ở Việt Nam (1946 - 1947)?

A. Tạo điều kiện cho cả nước bước vào kháng chiến lâu dài.

B. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch quân sự Nava của Pháp.

C. Thể hiện tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân ta.

D. Là một thắng lợi quân sự tiêu biểu của nhân dân ta.

Câu 27 (TH). Nhiệm vụ chủ yếu của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (từ tháng 12/1946 đến tháng 2/1947) là

A. bảo vệ Hà Nội và các đô thị.

B. củng cố hậu phương kháng chiến.

C. tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.

D. giam chân quân Pháp tại các đô thị.

Câu 28 (VDT). Chiến dịch Việt Bắc thu- đông (1947) và Biên giới thu- đông (1950) của quân dân Việt Nam đều

A. chủ động tiến công Pháp.

B. thực hiện chiến tranh nhân dân.

C. mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

D. làm phá sản kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

Câu 29 (VDT). Một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 với chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 của quân dân Việt Nam là

A. tinh thần quyết tâm của dân tộc.

B. lực lượng tham gia chiến dịch.

C. bối cảnh quốc tế mở chiến dịch.

D. lực lượng chỉ đạo chiến dịch.

Câu 30(VDC). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1951) có điểm gì mới so với những chủ trương trước đó của Đảng?

A. Giải quyết triệt để vấn đề dân tộc ở Đông Dương.

B. Xác định đường lối kháng chiến của Đảng.

C. Xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng.

D. Giải quyết vấn đề dân tộc ở từng nước Đông Dương.

2. Câu hỏi đúng sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

(Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (19-12-1946), trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.534).

a. Ngày 19-12-1946, chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

b. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến cho thấy thiện chí hòa bình của dân tộc Việt Nam và đã tâm xâm lược nước ta của thực dân Pháp.

c. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến là sự kiện mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

d. Trước dã tâm và hành động xâm lược của kẻ thù thì việc ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến luôn là vấn đề có tính quy luật của lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở tại đô thị [phía Bắc vĩ tuyến 16] suốt gần ba tháng có ý nghĩa rất lớn. Ta đã chủ động mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc đúng lúc, khi khả năng hòa hoãn không còn, ta có chuẩn bị và viện binh Pháp còn lênh đênh trên biển. Ngoài việc làm tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận địch, ta đã bảo vệ an toàn cơ quan đầu não và bảo tồn lực lượng kháng chiến, giành được khoảng thời gian chiến lược quý báu để tiếp tục chuyển đất nước vào thời chiến và đẩy lùi âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của địch.

(Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 10: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019, tr. 71).

a. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 là thắng lợi quân sự mở đầu của quân dân ta trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

b. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã bảo vệ an toàn cơ quan đầu não và những đô thị trọng yếu, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

c. Nối tiếp cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945), cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp.

d. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 và chiến dịch Biên giới thu đông 1950 đều là những chiến dịch do ta chủ động tiến hành, đạt được mục tiêu ban đầu đề ra.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Chiến dịch Việt Bắc là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng. Chiến thắng Việt Bắc cùng với thắng lợi trên các chiến trường khác trong thu đông năm 1947 đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta sang giai đoạn lịch sử mới.

(Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr.313)

a. Chiến dịch Việt Bắc là chiến dịch phản công lớn đầu tiên và cũng là thắng lợi quân sự

đầu tiên của quân dân ta trong kháng chiến chống Pháp.

b. Chiến dịch Việt Bắc góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta sang giai đoạn lịch sử mới vì đã làm thất bại hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.

c. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (cuối 1946 – đầu 1947) và chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 có sự khác biệt về địa hình tác chiến, lực lượng lãnh đạo và lực lượng chủ lực tham gia.

d. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950 đều là những chiến dịch ta chủ động tấn công, đạt được mục tiêu.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tôi đã hiểu vì sao mọi người đều lựa chọn phương án đánh nhanh,... Lí do chính là e thời gian chuẩn bị kéo dài, địch sẽ tăng thêm quân, tập đoàn cứ điểm ngày càng mạnh, sẽ làm ta mất cơ hội tiêu diệt địch. Nhiều người cho rằng sự xuất hiện lần đầu của hai pháo và cao xạ sẽ làm quân địch chung vùng. Nhưng chúng ta chỉ có vài ngàn viên đạn. Đặc biệt, mọi người đều tin vào khí thế của tôi đôi khi xuất quân, tin vào sức mạnh tinh thần. Nhưng sức mạnh tinh thần cũng đi nhưng giới hạn”.

(Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ Điểm hẹn lịch sử NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.102)

A. Phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” được nhiều người ủng hộ, và tới tương sẽ thắng lợi.

B. Đa số mọi người cho rằng lựu pháo và cao xạ sẽ khiến cho quân Pháp bị bất ngờ.

C. Phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” đã bị một số người phát đối

D. Một số người muốn chuyển sang phương án “đánh chắc, tiến chắc”.

e. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tại sao nói rằng: ngay sau khi thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa **ở** vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”?

Câu 2: Tại sao Đảng và Chính phủ phát động phong trào toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 19/12/1946? Phân tích đường lối kháng chiến do Đảng đề ra trong những năm 1946 – 1947

Hết